

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Hải Dương

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 5 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 1126/TTr-SLĐTBXH ngày 06 tháng 4 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Hải Dương, cụ thể:

1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, UBND cấp huyện, UBND cấp xã:

Chi tiết có Phụ lục I đính kèm. Nội dung cụ thể các thủ tục hành chính được ban hành kèm theo Quyết định số 1593/QĐ-BLĐTBXH ngày 10 tháng 10 năm 2017 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị bãi bỏ về lĩnh vực bảo trợ xã hội thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Quyết định số 1872/QĐ-BLĐTBXH ngày 04 tháng 12 năm 2017 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành về kiểm định kỹ thuật an toàn lao động thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước

của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Quyết định số 2117/QĐ-LĐTBXH ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành của lĩnh vực An toàn, vệ sinh lao động thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Danh mục thủ tục hành chính bãi bỏ: Chi tiết có Phụ lục II đính kèm, 07 thủ tục hành chính đã được công bố tại Quyết định số 656/QĐ-UBND ngày 11 tháng 3 năm 2016; 01 thủ tục hành chính đã được công bố tại Quyết định số 3732/QĐ-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 2. Giao Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Sở Nội vụ có trách nhiệm tổ chức thực hiện và hướng dẫn UBND cấp huyện, UBND cấp xã công khai, tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo đúng quy định.

Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm cập nhật công khai thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và chuyên trang cải cách thủ tục hành chính của UBND tỉnh đảm bảo kịp thời, đầy đủ, chính xác.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Lao động – Thương binh và Xã hội, Nội vụ; Chủ tịch UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *HN*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- Trung tâm CNTT;
- Lưu: VT, KSTTHCA

CHỦ TỊCH



Thái
Nguyễn Dương Thái



Phụ lục I

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH THUỘC PHẠM VI,
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI TỈNH HẢI DƯƠNG**
(Kèm theo Quyết định số ~~1114~~ 1114/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2018
của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
I. LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI					
1	Thành lập cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc UBND cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh	35 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Nội vụ tỉnh Hải Dương, địa chỉ: Số 1 Đô Lương, phường Quang Trung, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội.
2	Tổ chức lại, giải thể cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc UBND cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh	40 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Nội vụ tỉnh Hải Dương, địa chỉ: Số 1 Đô Lương, phường Quang Trung, thành phố	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
			Hải Dương, tỉnh Hải Dương.		
3	Đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Hải Dương, địa chỉ: Số 8 Phạm Sư Mệnh, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương.	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội.
4	Đăng ký thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký thành lập đối với cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Hải Dương, địa chỉ: Số 8 Phạm Sư Mệnh, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương.	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội.
5	Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Hải Dương, địa chỉ: Số 8 Phạm Sư Mệnh, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương.	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
6	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền cấp phép của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Hải Dương, địa chỉ: Số 8 Phạm Sư Mệnh, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương.	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội.
7	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Sở Lao động – Thương binh và Xã hội cấp	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Hải Dương, địa chỉ: Số 8 Phạm Sư Mệnh, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương.	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội.
8	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh	32 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Cơ sở bảo trợ xã hội cấp tỉnh	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội.
9	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh	Tiếp nhận ngay đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở.	Cơ sở bảo trợ xã hội cấp tỉnh	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		Các thủ tục, hồ sơ phải hoàn thiện trong 10 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận đối tượng. Trường hợp kéo dài quá 10 ngày làm việc.			
10	Tiếp nhận đối tượng tự nguyện vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh	Theo thỏa thuận	Cơ sở bảo trợ xã hội cấp tỉnh	Theo quy định	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội.
11	Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Cơ sở bảo trợ xã hội cấp tỉnh	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội.

II. LĨNH VỰC AN TOÀN LAO ĐỘNG

1	Khai báo với Sở Lao động –	05 ngày làm	Sở Lao động –	Không	- Luật an toàn, vệ sinh lao động;
---	----------------------------	-------------	---------------	-------	-----------------------------------

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	Thương binh và Xã hội địa phương khi đưa vào sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.	việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Thương binh và Xã hội tỉnh Hải Dương, địa chỉ: Số 8 Phạm Sư Mệnh, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương.		<p>- Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật an toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động.</p> <p>- Thông tư số 16/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội quy định chi tiết một số nội dung về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.</p>

III. LĨNH VỰC AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG

1	Hỗ trợ kinh phí đào tạo chuyên đổi nghề nghiệp; khám bệnh nghề nghiệp; chữa bệnh nghề nghiệp; phục hồi chức năng lao động cho người lao động bị	Mười (10) ngày làm việc, trong đó thời hạn giải quyết của Sở Lao động -	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Hải Dương, địa chỉ: Số 8 Phạm Sư Mệnh, TP Hải Dương,	Không	<p>- Luật an toàn, vệ sinh lao động;</p> <p>- Nghị định số 37/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật an toàn, vệ sinh lao động về bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề</p>
---	---	---	---	-------	---

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp	Thương binh và Xã hội là 05 ngày, của cơ quan Bảo hiểm xã hội là 05 ngày	tỉnh Hải Dương; Cơ quan Bảo hiểm xã hội		<p>nghiệp bắt buộc.</p> <p>- Thông tư số 26/2017/TT-BLĐTBXH ngày 22/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định và hướng dẫn thực hiện chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp bắt buộc.</p>
2	Hỗ trợ kinh phí huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho doanh nghiệp	10 ngày làm việc; trong đó thời hạn giải quyết của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội là 05 ngày, của cơ quan Bảo hiểm xã hội là 05 ngày.	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Hải Dương, địa chỉ: Số 8 Phạm Sư Mệnh, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương; Cơ quan Bảo hiểm xã hội	Không	<p>- Luật an toàn, vệ sinh lao động;</p> <p>- Nghị định số 37/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật an toàn, vệ sinh lao động về bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp bắt buộc.</p> <p>- Thông tư số 26/2017/TT-BLĐTBXH ngày 22/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định và hướng dẫn thực hiện chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp bắt buộc.</p>

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
I. LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI					
1	Thành lập cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc UBND cấp huyện	35 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Phòng Nội vụ thuộc UBND cấp huyện	Không.	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội.
2	Tổ chức lại, giải thể cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc UBND cấp huyện	40 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Phòng Nội vụ thuộc UBND cấp huyện	Không.	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội.
3	Đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thuộc UBND cấp huyện	Không.	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội.
4	Đăng ký thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký thành lập đối với cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Lao động -	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thuộc UBND cấp huyện	Không.	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	Thương binh và Xã hội				
5	Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thuộc UBND cấp huyện	Không.	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội.
6	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền cấp phép của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thuộc UBND cấp huyện	Không.	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội.
7	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội cấp	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thuộc UBND cấp huyện	Không.	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội.
8	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện	32 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện.	Không.	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội.
9	Tiếp nhận đối tượng cần	Tiếp nhận	Cơ sở trợ giúp xã	Không.	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện	ngay đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở. Các thủ tục, hồ sơ phải hoàn thiện trong 10 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận đối tượng. Trường hợp kéo dài quá 10 ngày làm việc	hội cấp huyện.		12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội.
10	Tiếp nhận đối tượng tự nguyện vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện	Theo thỏa thuận	Cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện.	Theo quy định	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội.
11	Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện.	Không.	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội.

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
I. LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI					
1	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không.	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội.



Phụ lục II:

**BANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BỎ THUỘC PHẠM VI,
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI TỈNH HẢI DƯƠNG**
(Kèm theo Quyết định số 1414/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2018
của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
I. LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI (<i>Đã được công bố tại Quyết định số 656/QĐ-UBND ngày 11/3/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương</i>)			
1		Cấp giấy phép hoạt động cơ sở chăm sóc người khuyết tật, cơ sở chăm sóc người cao tuổi đối với cơ sở thuộc cấp tỉnh quản lý	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội.
2		Cấp lại, điều chỉnh giấy phép cơ sở chăm sóc người khuyết tật, cơ sở chăm sóc người cao tuổi do cấp tỉnh quản lý	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội.
II. LĨNH VỰC VIỆC LÀM - AN TOÀN LAO ĐỘNG (<i>Đã được công bố Quyết định số 3732/QĐ-UBND ngày 04/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương</i>)			

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
1		Xác nhận khai báo các máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động (thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội).	<ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ Luật an toàn, vệ sinh lao động ngày 25 tháng 6 năm 2015; - Căn cứ Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật an toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động. - Căn cứ Thông tư số 16/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội quy định chi tiết một số nội dung về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

(Đã được công bố tại Quyết định số 656/QĐ-UBND ngày 11/3/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương)

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
I. LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI			
1		Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội.
2		Tiếp nhận đối tượng cần sự bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội.
3		Tiếp nhận đối tượng tự nguyện vào cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội.
4		Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở chăm sóc người khuyết tật; cơ sở chăm sóc người cao tuổi thuộc trách nhiệm quản lý của cấp huyện	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
			và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội.
5		Cấp lại; điều chỉnh giấy phép hoạt động cơ sở chăm sóc người khuyết tật, cơ sở chăm sóc người cao tuổi thuộc trách nhiệm quản lý của cấp huyện	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội.